TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 02 – 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang.

2. Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2024/TLST - HNGĐ ngày 25/11/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp L, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp L, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị D và anh Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo chị D trình bày do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung từ đó đời sống chung của vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, không hạnh phúc. Riêng anh T cho rằng mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân do chị D sống không chung thủy nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện chị D và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay nên chị D yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý.

Về con chung, chị Nguyễn Thị D và anh Võ Văn T chung sống với nhau có 03 người con chung là Võ Thị Kim Yến, sinh ngày 26/10/2011; Võ Thị Kim Ngân, sinh

ngày 11/01/2014 và Võ Hoàng Lượng, sinh ngày 15/5/2016. Tại phiên tòa, chị D yêu cầu được nuôi cả ba người con và không đặt ra yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh T cũng đồng ý giao ba người con cho chị D nuôi, không cấp dưỡng nuôi con bởi anh đang làm thuê ở tỉnh Đồng Nai, thu nhập chưa ổn định nên không đủ khả năng để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Thị D và anh Võ Văn T khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với anh Võ Văn T (bị đơn) đã có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D (nguyên đơn) và xin vắng mặt trong các lần Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án với lý do anh đang làm thuê tại tỉnh Đồng Nai, việc xin nghỉ phép gặp nhiều khó khăn nên không thể tham gia phiên tòa để giải quyết vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin hòa giải, xét xử vắng mặt với lý do bận công việc làm ăn nên không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy các đương sự trình bày nguyên nhân mâu thuẫn không đồng nhất với nhau nhưng việc mâu thuẫn, việc sống ly thân giữa các đương sự thực tế có xảy ra và xuất phát từ mâu thuẫn nêu trên, các đương sự không còn tình cảm với nhau. Nay các đương sự cùng thống nhất thuận tình ly hôn, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thống nhất giao các con chung cho nguyên đơn nuôi và nguyện vọng của các con cũng đồng ý sống chung với nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu nuôi con là có căn cứ. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tuy đã được Hội đồng xét xử giải thích việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, bảo đảm cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con – Đây là ý chí, quyền tự định đoạt của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D về việc xin ly hôn anh Võ Văn T.

- Về con chung là Võ Thị Kim Yến, sinh ngày 26/10/2011; Võ Thị Kim Ngân, sinh ngày 11/01/2014 và Võ Hoàng Lượng, sinh ngày 15/5/2016. Khi ly hôn, tiếp tục giao các con cho chị Nguyễn Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Thị D và anh Võ Văn T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 25/11/2024, chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003567 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã R, H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân